

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/ 2024/ HS – ST

Ngày: 15 – 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Diệu Hạnh

Ông Nguyễn Văn Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 05 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 15/6/1987, tại: Huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ K, phường L, thành phố S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Không biết bố là ai; Con bà: Nguyễn Thị P ; Vợ: Dương Thị N (đã ly hôn); Con: có 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2019.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 27/3/2024, bị Công an thành phố Sông Công xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 23/01/2024 và 26/01/2024

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công từ ngày 06/02/2024 đến nay (Có mặt).

- Bị hại: Chị Dương Thị H, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ C, phường L, thành phố S, tỉnh T; ; (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng:

+ Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1965; Trú tại: Tổ C, phường L, thành phố S,

tỉnh Thái Nguyên;

+ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1955; Trú tại: Tổ X, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tất cả những người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 28/01/2024, Nguyễn Văn T1 một mình đi bộ từ nhà đến khu vực phường L, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, mục đích xem ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đi đến khu vực trường mầm non L, thuộc tổ dân phố Xộp, phường L, thành phố Sông Công, T1 quan sát thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đen, biển kiểm soát (BKS): 20B1-61924, của chị Dương Thị H, sinh năm 1990, trú tại tổ C phường L, thành phố Sông Công, đang dựng trên đường bê tông, không có người trông coi nên T1 dùng chìa khóa đã chuẩn bị từ trước để mở khóa điện xe mô tô. Khi vừa mở được ổ khóa điện, lúc này có chị Huệ và bà Hoàng Thị L (sinh năm 1965, trú tại Tổ Cũ, phường L, thành phố Sông Công), đang ở dưới ruộng lúa và phát hiện thấy T1 đang phá khóa, trộm cắp xe mô tô nên đã chạy về phía chiếc xe và hô hoán. Thấy vậy, T1 ngồi lên xe nổ máy, điều khiển xe bỏ chạy theo đường bê tông đi ra tổ dân phố Xộp, phường L, thành phố Sông Công. Lúc này, ông Nguyễn Văn V (sinh năm 1955, trú tại Tổ Xộp, phường L, thành phố Sông Công) nghe thấy tiếng hô hoán nên điều khiển xe mô tô của mình đuổi theo T1. T1 điều khiển xe bỏ chạy được khoảng 500m, do đi vào ngõ cụt, đường bờ ruộng khó đi và bị người dân đuổi theo nên T1 đã bỏ xe mô tô đã trộm cắp lại, chạy về nhà tại tổ Kè, phường L, thành phố Sông Công. Sau khi nhận lại chiếc xe mô tô bị trộm cắp, chị Huệ đã trình báo sự việc đến Công an phường L và giao nộp lại chiếc xe mô tô trên để phục vụ điều tra.

Cơ quan CSĐT đã yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô do Nguyễn Văn T1 trộm cắp. Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS, ngày 31/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công, kết luận: giá trị của 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 20B1 – 619.24, màu sơn đen bạc, dung tích 97cm³, đã qua sử dụng là 10.333.000 đồng (*Mười triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, 20B1-61924, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sông Công đã trả lại cho chị Dương Thị H là chủ sở hữu để quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Dương Thị H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã khai nhận toàn bộ về diễn biến nội dung sự việc như đã nêu ở phần trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 39/ CT - VKS ngày 19/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T1 về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T1 từ **18** đến **24** tháng tù; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Về phần dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T1 không có ý kiến tranh luận, bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã khai nhận: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 28/01/2024 bị cáo đi bộ từ nhà đến khu vực gần trường mầm non L với mục đích xem có ai đi cấy mà để xe mô tô sơ hở thì trộm cắp. Khi đến khu vực đường bê tông dân sinh gần khu vực trường mầm non bị cáo quan sát

thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu sơn đen, bị cáo không nhìn biển kiểm soát, quan sát không có ai trông coi nên đã dùng chìa khoá xe Dream bị cáo chuẩn bị từ trước cắm vào ổ khoá điện của chiếc xe mô tô nêu trên thì mở được khoá. Bị cáo lên xe đề nổ máy và điều khiển xe bỏ chạy thì nghe thấy tiếng hô hoán, bị cáo bỏ chạy được khoảng 500 m thì đi vào đường cụt khó đi và bị người dân đuổi theo nên bị cáo đã bỏ lại xe và đi về nhà. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; vật chứng thu giữ,.. và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 8 giờ 30 phút, ngày 28/01/2024, tại tổ dân phố Xộp, phường L, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn T1 đã có hành vi lén lút, trộm cắp 01 chiếc xe mô tô của chị Dương Thị H có giá trị là 10.333.000 đồng (*Mười triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*) thì bị phát hiện và thu giữ vật chứng.

Hành vi nêu trên của bị cáo T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1:

3.1. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo T1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

3.2. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo T1 là người có đầy đủ khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Ngày 27/3/2024 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng bị cáo là người đã trưởng thành, đang trong độ tuổi lao

động, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Ngoài ra bị cáo là người có nhân thân về hành vi trộm cắp tài sản và còn có biểu hiện của việc mắc vào tệ nạn xã hội, sử dụng ma túy. Nên cần thiết xét xử bị cáo bằng hình phạt tù, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa có phần nghiêm khắc. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc đến nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để xét xử bị cáo mức án phạt tù phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án, xét bị cáo T1 không có nghề nghiệp, tài sản và thu nhập. Hội đồng xét xử xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Quá trình điều tra, xác định ngoài lần trộm cắp tài sản trên, Nguyễn Văn T1 còn thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản khác ngày 23/01/2024 và ngày 26/01/2024 tại địa bàn thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, trị giá tài sản trộm cắp mỗi lần đều dưới 2.000.000 đồng và không có tình tiết định tội nào khác, cơ quan Công an thành phố Sông Công đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trên của bị cáo là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T1 bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Các Điều 136, 299, 329, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 **15 (Mười lăm)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2024.

* Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

2. Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T1 45 (*bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo T1, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại là chị Huệ, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo, Bị hại;
- UBND phường L, T.P Sông Công;
(kèm TB Kq XX);
- THA h.sự, d.sự;
- Lưu: H.sơ, H.sự, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thùy Dung

